

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Thanh Trí**

2. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu**- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông **Lê Văn Quốc**.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân";

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Mỹ T**; sinh năm: 1987. HKTT: Số 110B khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: 325 khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thanh B**- Công ty Luật B – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 110B khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Đại diện ủy quyền: ông **Nguyễn Trung T**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: 50/2 Hẻm 50 đường V, Khu vực B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 28/6/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà **Nguyễn Thị Tr**; sinh năm: 1953 và ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1947. Địa chỉ: 110 khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2/ Bà **Nguyễn Thị Th**; sinh năm: 1965 và ông **Lâm Văn Ch**; sinh năm: 1964. Địa chỉ: 325 khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.3/ Ông **Nguyễn Văn Đ**; sinh năm: 1934 và bà **Nguyễn Thị B**; sinh năm: 1937. Địa chỉ: 036 khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Mỹ T với ông Nguyễn Văn S gồm có:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.300 m² (2L), thửa 1331, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường P, quận C) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000173/QSDD ngày 01/9/2004 do hộ Lâm Thị Mỹ T đứng tên;

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.025,7m² (LUC), thửa số 1126, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu vực Phú Thạnh, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02256 ngày 21/7/2017 do bà Nguyễn Thị Th đứng tên;

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.218,7m² (Lua), thửa số 1765, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00175 ngày 11/02/2010 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

4/ Quyền sử dụng đất diện tích 90,8m² (CLN), thửa số 1936, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu vực Phú Khánh, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05545 ngày 12/12/2014 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

5/ Quyền sử dụng đất diện tích 977,3m² (LUC), thửa số 2550, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06965 ngày 27/6/2016 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

6/ Quyền sử dụng đất diện tích 398m² (CLN), thửa số 1002, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06845 ngày 14/4/2016 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

7/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.225,5 m², thửa số 2401, tờ bản đồ số 4, (trong đó có 975,9m² CLN + 249,6m² (Lua)) tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03232 ngày 14/12/2012 do ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị Mỹ T đứng tên.

8/ Công trình, vật kiến trúc là:

+ 01 chuồng heo trên xây dựng trên quyền sử dụng đất thửa số 2401, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03232 ngày 14/12/2012 do ông Nguyễn Văn S, bà Lâm Thị Mỹ T đứng tên;

+ 01 căn nhà do vợ chồng ông S, bà T xây dựng tọa lạc tại số 110B khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, trên quyền sử dụng đất thửa số 946, tờ bản đồ số 4, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000205/QSĐĐ ngày 13/11/1993 do bà Nguyễn Thị Tr đứng tên.

2.2 Tài sản giao cho bà Lâm Thị Mỹ T được quyền sở hữu, sử dụng gồm:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.300 m² (2L), thửa 1331, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường P, quận C) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000173/QSĐĐ ngày 01/9/2004 do hộ Lâm Thị Mỹ T đứng tên; vị trí, kích thước các cạnh cụ thể theo như bản vẽ kèm theo (cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn Tám: 18,74m; cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn Khai 66.65m, các cạnh còn lại có kích thước như bản vẽ kèm theo);

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.025,7m² (LUC), thửa số 1126, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu vực Phú Thạnh, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02256 ngày 21/7/2017 do bà Nguyễn Thị Th đứng tên;

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.218,7m² (Lua), thửa số 1765, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00175 ngày 11/02/2010 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

4/ Quyền sử dụng đất diện tích 90,8m² (CLN), thửa số 1936, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu vực Phú Khánh, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05545 ngày 12/12/2014 do ông Nguyễn Văn S đứng tên.

2.3 Tài sản giao cho ông Nguyễn Văn S được quyền sở hữu, sử dụng gồm:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 977,3m² (LUC), thửa số 2550, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06965 ngày 27/6/2016 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 398m² (CLN), thửa số 1002, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06845 ngày 14/4/2016 do ông Nguyễn Văn S đứng tên;

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 1.225,5 m², thửa số 2401, tờ bản đồ số 4, (trong đó có 975,9m² CLN + 249,6m² (Lua)) tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03232 ngày 14/12/2012 do ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị Mỹ T đứng tên;

4/ Công trình, vật kiến trúc là:

+ 01 chuồng heo trên xây dựng trên quyền sử dụng đất thừa số 2401, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03232 ngày 14/12/2012 do ông Nguyễn Văn S, bà Lâm Thị Mỹ T đứng tên;

+ 01 căn nhà do vợ chồng ông S, bà T xây dựng tọa lạc tại số 110B khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, trên quyền sử dụng đất thuộc thửa 946, tờ bản đồ số 4, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000205/QSDĐ ngày 13/11/1993 do bà Nguyễn Thị Tr đứng tên.

2.4 Cây trồng trên phần đất của ai thì người đó được hưởng.

2.5 Bà Lâm Thị Mỹ T phải bồi lại cho ông Nguyễn Văn S giá trị chênh lệch phần tài sản được hưởng: **168.967.500đ** (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ khi ông S có đơn yêu cầu thi hành án, bà T còn phải chịu tiền lãi Tong ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6 Quyền sử dụng đất diện tích còn lại 142 m² (2L), thửa 1331, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường P, quận C) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000173/QSDĐ ngày 01/9/2004 do hộ Lâm Thị Mỹ T đứng tên là thuộc quyền sử dụng đất của ông Lâm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th; vị trí, kích thước các cạnh cụ thể theo như bản vẽ kèm theo (cạnh ngang giáp đất ông Nguyễn Văn Khai 7.11m, các cạnh còn lại có kích thước như bản vẽ kèm theo);

Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất của mình được hưởng.

Kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại cho các đương sự theo như Quyết định của Tòa án (hiện tại ông Nguyễn Văn S đang giữ bản Ch 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 000173/QSDĐ ngày 01/9/2004; CS02256 ngày 21/7/2017; CH00175 ngày 11/02/2010; CH05545 ngày 12/12/2014; CS06965 ngày 27/6/2016; CS06845 ngày 14/4/2016; CH03232 ngày 14/12/2012).

3. Ông Nguyễn Văn S rút yêu cầu buộc bà Lâm Thị Mỹ T phải trả lại tiền lên bờ, trồng cây trên phần đất diện tích 2.600m² tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ nên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu ông S đã rút.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Tổng cộng: **33.600.000đ** (trong đó: chi phí lấy bản vẽ kỹ thuật 16.510.000đ + chi phí đo đạc, định giá: 17.090.000đ); ông S và bà T mỗi người phải chịu **16.800.000đ**. Ông S, bà T đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Mỹ T chịu án phí **80.064.650đ** (Tám mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp **11.150.000đ** theo biên lai số 006352 ngày 04/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ; bà Lâm Thị Mỹ T còn phải nộp thêm **68.914.650đ** (Sáu mươi tám triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm năm mươi đồng) án phí.

Ông Nguyễn Văn S chịu án phí **80.064.650đ** (Tám mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp **6.800.000đ** theo biên lai số 006454 ngày 16/5/2018 và **575.000đ** theo biên lai số 007349 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C; ông Nguyễn Văn S còn phải nộp thêm **72.689.650đ** (Bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi đồng) án phí.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Bn hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – B.

Nguyễn Thị Thùy Trang